TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST
Ngày 08/5/2019
V/v*: "Ly hôn"*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Mạnh Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Nguyễn Thị Liệu**

Ông Lý Và Dưỡng

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* **Bà Nguyễn Thị Huyền Trang** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán:* **Ông Vũ Văn Hội** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 609/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2018 về việc: "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 19/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Gia Kh sinh năm: 1969
HKTT: số 09 khu dân cư 3, ấp H, xã N, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.
Chổ ở hiện nay: khu phố 4, phường Q, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Bị đơn: Bà Hoàng Thị Tố Ng sinh năm: 1968
Nơi cư trú: số 09 khu dân cư 3, ấp H, xã N, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.
(Các đương sự có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Theo đơn khởi kiện ngày 24/9/2018, các lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Gia Kh trình bày:

Ông Lê Gia Kh và bà Hoàng Thị Tố Ng tự nguyện đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Định Quán cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/12/1995, đây là hôn nhân lần đầu của ông Kh và bà Ng. Vợ chồng sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nên hay xảy ra cãi nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong cách nuôi dạy con cái nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Mâu thuẫn vợ chồng chưa được gia đình hai bên hòa giải nhưng đã được Ban ấp H, xã N hòa giải nhưng không thành. Khoảng cuối năm 2015 vợ chồng tuy sống cùng nhà với nhau nhưng không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, năm 2016 ông Kh đã nộp đơn xin ly hôn với bà Ng tại Tòa án nhân dân huyện Định Quán, được Tòa án hòa

giải cho hai vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, thời gian vợ chồng sống đoàn tụ vẫn hay xảy ra mâu thuẫn, khoảng đầu năm 2018 ông Kh và bà Ng đã không còn sống chung với nhau, ông Kh về thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để sinh sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn ông Kh xin ly hôn với bà Ng.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Lê Hoàng Xuân U, sinh ngày 07/02/1997; Lê Hoàng Xuân N, sinh ngày: 07/02/2002 và Lê Hoàng Xuân V, sinh ngày 12/02/2009. Từ thời gian vợ chồng không còn sống chung thì hai con chung là cháu N và cháu V do bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông Kh đồng ý để bà Ng tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung là cháu N và cháu V. Hiện thu nhập của ông Kh khoảng 20.000.000đ mỗi tháng nên ông Kh tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 4.000.000đ.

Đối với con chung là cháu U hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên ông Kh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung*:* Ông Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung*:* Ông Kh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, ông Kh không còn yêu cầu gì khác.

Theo bản tự khai ngày 08/01/2019 các lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Hoàng Thị Tố Ng trình bày:

Bà Hoàng Thị Tố Ng và ông Lê Gia Kh tự nguyên quen biết, tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Ng, huyện Định Quán cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/12/1995. Đây là hôn nhân lần đầu của bà Ng và ông Kh. Qúa trình vợ chồng sống chung với nhau mặc dù trong cuộc sống khó tránh khỏi chuyện vợ chồng có những chuyện không vui nhưng không có mâu thuẫn gì trầm trọng. Trong cuộc sống vợ chồng có những giây phút ông Kh ngoài chồng ngoài vợ, một lúc ông Kh yếu lòng nhưng bà Ng vẫn tha thứ cho ông Kh. Từ khoảng tháng 6/2018 ông Kh và bà Ng đã không còn sống chung với nhau, ông Kh về thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để sinh sống. Nay bà Ng xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với ông Kh và không muốn các con phải không có cha nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Lê Hoàng Xuân U, sinh ngày 07/02/1997; Lê Hoàng Xuân N, sinh ngày: 07/02/2002 và Lê Hoàng Xuân V, sinh ngày 12/02/2009. Từ thời gian vợ chồng không còn sống chung thì hai con chung là cháu N và cháu V do bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn, bà Ng đồng ý để ông Kh nuôi dưỡng hai con chung là cháu N và cháu V. Tạm thời bà Ng không cấp dưỡng nuôi con cùng ông Kh do hiện nay bà Ng chưa có việc làm và thu nhập ổn định.

Đối với con chung là cháu U hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà Ng không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung*:* Bà Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung*:* Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, bà Ng không còn yêu cầu gì khác

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện ngày 24/9/2018 của nguyên đơn ông Lê Gia Kh quan hệ pháp luật được xác định là " Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn bà Hoàng Thị Tố Ng có nơi cư trú tại số khu dân cư 3, ấp H, xã N, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Định Quán có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định ông Lê Gia Kh là nguyên đơn, bà Hoàng Thị Tố Ng là bị đơn trong vụ án.

[4] Về điều luật áp dụng: Căn cứ vào thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, án phí và quyền kháng cáo nên áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, 6, 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986; Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5] Về đường lối giải quyết vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Lê Gia Kh và bà Hoàng Thị Tố Ng khi kết hôn trên cơ sở tự nguyện không vi phạm các điều kiện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/12/1995 (BL 09). Xét việc kết hôn của ông Kh, bà Ng được thực hiện theo quy định tại Điều 5, 6, 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986 nên đây là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo hộ.

Trong cuộc sống hôn nhân ông Kh xác định giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông Kh và bà Ng không còn sống chung với nhau không còn sống chung, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng từ đầu năm 2018 đến nay (BL 01, 41). Điều này phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án (BL 32). Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Kh và bà Ng tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được ông Kh yêu cầu xin ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận**.** Theo bà Ng cho rằng, trong cuộc sống hôn nhân vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không có gì trầm trọng, bà Ng và ông Kh không còn sống chung với nhau, không còn thực hiện quyền và nghĩa vụ chung của vợ chồng từ khoảng tháng 6/2018 đến nay, tại phiên tòa bà xác định không còn biện pháp gì để hằn gắn, cải thiện cuộc sống hôn nhân của vợ chồng. Do bà vẫn còn tình cảm vợ chồng với ông Kh nên không đồng ý ly hôn. Xét yêu cầu của bà Ng là không phù hợp, trái với nhận định trên nên không được chấp nhận.

Về con chung:

Ông Kh và bà Ng có ba con chung là Lê Hoàng Xuân U, sinh ngày 07/02/1997; Lê Hoàng Xuân N, sinh ngày: 07/02/2002 và Lê Hoàng Xuân V, sinh ngày 12/02/2009. Từ thời gian vợ chồng không còn sống chung thì hai con chung là cháu N và cháu V do bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, xét yêu cầu của ông Kh, bà Ng về việc nuôi con khi vợ chồng ly hôn thì thấy: Hiện nay ông Kh đang thuê nhà sống ở thành phố Biên Hòa, cuộc sống nơi ở không ổn định, từ thời gian vợ chồng không còn sống chung với nhau cho đến nay hai con chung là cháu N và cháu V do bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng được phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Bên cạnh đó, theo ý kiến của các cơ quan quản lý Nhà nước về công tác gia đình và trẻ em tại địa phương do hai con chung của ông Kh, bà

Ng là cháu N và cháu V là nữ giới đang ở độ tuổi trưởng thành, phát triển về tâm sinh lý cần có sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Để không làm xáo trộn cuộc sống, sinh hoạt và việc học hành của con chung trường hợp ông Kh, bà Ng ly hôn cần giao hai con chung là cháu N và cháu V cho bà Ng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo quyền, lợi ích và sự phát triển mọi mặt của các con (BL 42, 43).

Từ những nhận định trên, căn cứ quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của ông Kh về việc giao hai con chung là cháu N và cháu V cho bà Ng tiếp tục nuôi dưỡng khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Ng và ông Kh thừa nhận trong thời gian vợ chồng không còn sống chung với nhau thì ông Kh trợ cấp cho bà Ng 4.000.000đ mỗi tháng để nuôi con. Đồng thời, trong việc sinh hoạt, ăn học của các con nếu có các khoản chi phí phát sinh thì ông Kh phụ cấp đưa thêm tiền để bà Ng lo cho các các con. Hiện ông Kh có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, bà Ng chưa có nghề nghiệp. Xét việc ông Kh tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung là cháu N và cháu V mỗi tháng 4.000.000đ là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận.

Đối với con chung là cháu U hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động ông Kh và bà Ng không yêu cầu nên Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết

***Về tài sản*:** Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Kh phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Ý kiến của Kiểm sát viên: Tòa án, người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành nghiêm về quan hệ tố tụng, đảm bảo đúng trình tự, thủ tục tố tụng khi giải quyết vụ án.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa ông Kh và bà Ng tình trạng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Kh, xử cho ông Kh và bà Ng ly hôn.

Về con chung: Từ thời gian vợ chồng không còn sống chung thì hai con chung là cháu N và cháu V do bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống và việc ăn học của con chung đã ổn định. Để không làm xáo trộn cuộc sống, việc sinh hoạt và ăn học của con chung, đồng thời hiện nay ông Kh có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, bà Ng chưa có nghề nghiệp. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao hai con chung là cháu N và cháu V cho bà Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 4.000.000đ của ông Kh.

Về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của các đương sự

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; khoản 4, Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 5, 6 và 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986;

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Gia Kh về việc: "Ly hôn" với bà Hoàng Thị Tố Ng. Xử cho ông Lê Gia Kh và bà Hoàng Thị Tố Ng ly hôn.

Về con chung: Giao cho bà Ng được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng hai con chung là Lê Hoàng Xuân N, sinh ngày: 07/02/2002 và Lê Hoàng Xuân V, sinh ngày: 12/02/2009.

Ông Kh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là Lê Hoàng Xuân N, sinh ngày: 07/02/2002 và Lê Hoàng Xuân V, sinh ngày: 12/02/2009 mỗi tháng 4.000.000đ (bốn triệu đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với con chung là cháu Lê Hoàng Xuân U, sinh ngày: 07/02/1997 hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động ông Kh và bà Ng không yêu cầu xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Khi ly hôn, pháp luật vẫn bảo hộ mọi quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung (quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; quyền thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con …).

Về tài sản: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Kh phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 005915 ngày 24/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Ông Kh còn phải nộp 300.000đ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND tỉnh ĐN;
- VKSND HĐQ;
- CCTHADS HĐQ;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Mạnh Cường